

BỘ TÀI CHÍNH
Số: 300/TC-NSNN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 3 tháng 10 năm 1987

QUYẾT ĐỊNH

CỦA BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI CHÍNH SỐ 300/TC-NSNN NGÀY 3-10-1987

VỀ VIỆC BAN HÀNH MỤC LỤC NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI CHÍNH

Căn cứ Nghị định số 61/CP ngày 29-3-1974; Quyết định số 90/CP ngày 18-4-1978 của Hội đồng Chính phủ và Nghị định số 132/HĐBT ngày 13-8-1982 của Hội đồng Bộ trưởng ban hành Điều lệ hoạt động và sửa đổi tổ chức bộ máy Bộ Tài chính.

Căn cứ Nghị định số 35/CP ngày 9-12-1981 của Hội đồng Chính phủ ban hành Điều lệ lập và chấp hành Ngân sách Nhà nước;

Xét đề nghị của đồng chí Vụ trưởng Vụ Ngân sách Nhà nước.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Nay ban hành kèm theo Quyết định này Mục lục Ngân sách Nhà nước mới để sử dụng cho công tác lập kế hoạch, chấp hành và báo cáo quyết toán thu, chi Ngân sách Nhà nước.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành từ năm ngân sách 1988.

Những quy định và hướng dẫn trước đây về Mục lục Ngân sách Nhà nước trái với Quyết định này đều bãi bỏ.

Điều 3. Các đồng chí Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Nhà nước, thủ trưởng các cơ quan khác thuộc Hội đồng Bộ trưởng và Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố, đặc khu trực thuộc Trung ương có trách nhiệm tổ chức thực hiện Quyết định này.

Điều 4. Các đồng chí Vụ trưởng Vụ ngân sách Nhà nước thuộc Bộ Tài chính, Vụ trưởng Vụ quản lý quỹ Ngân sách Nhà nước thuộc Ngân hàng Nhà nước Trung ương chịu trách nhiệm hướng dẫn thi hành Quyết định này.

MỤC LỤC NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

A. PHẦN THU

C						Mục 01	Mục 02		Mục 49
h ư ơ n g	L o ạ i	K h o ả n	H à n g	Tên gọi	Tổng số thu	Thu quốc doanh	Trích nộp lợi nhuận		Thu do NS cấp dưới nộp lên
A	B	C	D	Đ	1	2	3	4	5
	01			Công nghiệp	Ghi toàn bộ các khoản thu do các đơn vị kinh tế quốc doanh, tập thể, cá thể và tư nhân hoạt động sản xuất công nghiệp nộp vào ngân sách Nhà nước.				
	01	01		Công nghiệp điện năng	Thu về sản xuất nhiệt điện, thủy điện, truyền dẫn điện...				
	01	02		Công nghiệp nhiên liệu					
	01	02	1	Công nghiệp than, cốc	Thu về khai thác, tuyển chọn, đóng bánh than (trừ than bùn). Sản xuất cốc, nhựa đường và các sản phẩm khác từ luyện cốc.				
	01	02	2	Công nghiệp dầu mỏ và khí đốt	Thu về sản xuất công nghiệp, khai thác chế biến dầu mỏ, gazolin khí thiên nhiên và khí đồng hành theo dầu.				
	01	02	9	Công nghiệp nhiên liệu khác	Thu về khai thác, đóng bánh than bùn, khai thác bi-tum và khai thác nhiên liệu khác.				
	01	03		Công nghiệp luyện kim đen	Thu về khai thác, tuyển chọn quặng, sản xuất luyện, cán, dát, gia công rèn, dập, ép kim loại đen và hợp kim của chúng.				
	01	04		Công nghiệp luyện kim màu	Thu về khai thác, tuyển chọn quặng; luyện, cán, dát gia công, rèn dập, ép từ kim loại màu và hợp kim màu.				
	01	05		Công nghiệp sản xuất thiết bị máy	Thu về công nghiệp chế tạo và sửa chữa thiết bị máy móc dùng cho tất cả các ngành kinh tế quốc dân (trừ ngành điện và điện tử, ngành sản xuất công				

				móc	cụ cầm tay và các sản phẩm chạy điện dùng cho sinh hoạt và đời sống).
	01	06		Công nghiệp kỹ thuật điện và điện tử	Thu về công nghiệp sản xuất và sửa chữa thiết bị, máy móc, vật liệu kỹ thuật điện, điện tử, pin, ắc quy dùng cho sinh hoạt, thông tin liên lạc, tính toán tự động...
	01	07		Công nghiệp sản xuất các sản phẩm khác bằng kim loại	Thu về sản xuất và sửa chữa công cụ cầm tay, các cấu kiện kim loại, các sản phẩm tiêu dùng bằng kim loại; đinh, lưới, dao, búa, xẻng cuốc...
	01	08		Công nghiệp hoá chất, phân bón và cao su	
	01	08	1	Công nghiệp phân bón và hoá chất phục vụ nông nghiệp	Thu về sản xuất phân hoá học, thuốc trừ sâu và các chất kích thích sinh trưởng cây trồng, vật nuôi.
	01	08	2	Công nghiệp xà phòng, chất rửa và hương phẩm trang điểm	
	01	08	3	Công nghiệp dược phẩm	Thu về sản xuất thuốc chữa bệnh, thuốc bổ, rượu bổ và các dược phẩm từ cây cỏ.
	01	08	4	Công nghiệp xăm, lớp, vật phủ và các sản phẩm bằng cao su, amiăng	
	01	08	9	Công nghiệp hoá chất, phân bón và cao su khác	

	01	09		Công nghiệp vật liệu xây dựng	
	01	09	1	Công nghiệp khai thác nguyên liệu phi quặng	Thu về khai thác, tuyển chọn đá, cát, sỏi, đất sét, nguyên liệu chịu lửa cho xây dựng.
	01	09	2	Công nghiệp sản xuất xi măng và các vật liệu kết dính khác	Thu về sản xuất xi măng, vôi...
	01	09	3	Công nghiệp gạch ngói	Thu về sản xuất gạch ngói nung, không nung, ngói xi măng, gạch hoa hoặc bằng chất kết dính khác.
	01	09	9	Các vật liệu xây dựng khác	Thu về sản xuất cấu kiện bê-tông, vật liệu ngăn cách trong xây dựng, vật liệu chịu lửa.
	01	10		Công nghiệp khai thác, chế biến gỗ và lâm sản khác	
	01	10	1	Công nghiệp khai thác gỗ và lâm sản khác	Gồm cả thu về khai thác mủ cao su.
	01	10	2	Công nghiệp chế biến gỗ và lâm sản khác	
	01	11		Công nghiệp Xenlulô và giấy	Thu về sản xuất xenlulô, giấy viết, giấy in, giấy kỹ thuật, giấy bao gói, bìa các-tông và các sản phẩm bằng giấy, bìa và các-tông.
	01	12		Công nghiệp sành sứ và thủy tinh	Thu về công nghiệp sành sứ, thủy tinh cho mỹ thuật, xây dựng và dân dụng.
	01	13		Công nghiệp lương	Thu về công nghiệp xay xát, chế biến lương thực.

				thực	
	01	14		Công nghiệp thực phẩm	
	01	14	1	Công nghiệp khai thác, chế biến cá và các loại thủy, hải sản khác	Thu về đánh bắt cá, tôm và khai thác thủy, hải sản khác; sản xuất đồ hộp; sản xuất nước mắm và các dạng chế biến thủy hải sản khác.
	01	14	2	Công nghiệp đường, sữa, bánh kẹo	Gồm cả thu về sản xuất ca cao
	01	14	3	Công nghiệp rượu, bia, nước ngọt	Gồm cả thu về sản xuất nước khoáng
	01	14	4	Công nghiệp chế biến chè, cà phê	
	01	14	5	Công nghiệp thuốc lá, thuốc Lào	
	01	14	6	Công nghiệp muối	Gồm cả thu về sản xuất muối mỏ và muối biển.
	01	14	9	Các ngành công nghiệp thực phẩm khác	Bao gồm số thu của những ngành CNTP không ghi vào các hạng trên.
	01	15		Công nghiệp dệt	Gồm các ngành công nghiệp chế biến bông, sản xuất sợi, chỉ, len dệt nhuộm.
	01	16		Công nghiệp may	
	01	17		Công nghiệp thuộc da và sản xuất các sản phẩm từ da và da giả	
	01	18		Công nghiệp in	